

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)**Kèm theo BC số 363/BC-UBND ngày 12/12/2022 của UBND xã Đức Xương***DVT: 1.000 Đồng**

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<u>TỔNG SỐ THU</u>	<u>8,471,000</u>	<u>TỔNG SỐ CHI</u>	<u>8,471,000</u>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	93,000	I. Chi đầu tư phát triển	4,500,000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	4,734,000	II. Chi thường xuyên	3,907,800
III. Thu chuyển nguồn		III. Dự phòng	63,200
IV. Thu bổ sung	3,644,000		
- Bổ sung cân đối	3,644,000		
- Bổ sung có mục tiêu			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)**Kèm theo BC số 363/BC-UBND ngày 12/12/2022 của UBND xã Đức Xương***DVT: 1.000 Đồng**

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (Năm	DỰ TOÁN NĂM 2023	So sánh (%)
	TỔNG THU	15,503,156	8,471,000	54.64%
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	917,325	93,000	10.14%
	Phí, lệ phí	10,302	8,000	77.65%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	357,320	35,000	9.80%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	6,649		0.00%
	Thu khác	543,054	50,000	9.21%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	7,410,152	4,734,000	63.89%
1	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	295,562	162,000	54.81%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	48,582	16,000	32.93%
	Lệ phí môn bài	6,500	6,000	92.31%
	Lệ phí trước bạ nhà đất	240,480	140,000	58.22%
2	Các khoản thu phân chia theo quy định của tỉnh	7,114,590	4,572,000	64.26%
	Thu tiền sử dụng đất	6,882,863	4,500,000	65.38%
	Thuế TNCN	175,581	24,000	13.67%
	Thuế VAT	56,146	48,000	85.49%
III	Thu chuyển nguồn	188,753		0.00%
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước			
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6,986,927	3,644,000	52.15%
	- Thu bổ sung cân đối	2,544,100	3,644,000	143.23%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	4,442,827		0.00%

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Kèm theo BC số 363/BC-UBND ngày 12/12/2022 của UBND xã Đức Xương

ĐVT: 1.000 Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022 ước TH (Năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2023			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
	TỔNG CHI	15,503,156	10,131,300	5,371,856	8,471,000	4,500,000	3,971,000	54.64%	44.42%	73.92%
1	Chi DQTV, ANTT	374,310	0	374,310	447,352	0	447,352	119.51%		119.51%
-	Chi dân quân tự vệ	250,200		250,200	275,200		275,200	109.99%		109.99%
-	Chi an ninh trật tự	124,110		124,110	172,152		172,152	138.71%		138.71%
2	Chi sự nghiệp Giáo dục	1,429,539	1,418,539	11,000	2,529,961	2,516,761	13,200	176.98%	177.42%	120.00%
3	Chi sự nghiệp y tế	11,000		11,000	14,200		14,200	129.09%	#DIV/0!	
4	Chi Văn hóa, thông tin	51,800		51,800	69,100		69,100	133.40%		133.40%
5	Chi thể dục, thể thao	45,000		45,000	12,000		12,000			26.67%
6	Chi SN truyền thanh	28,300		28,300	42,500		42,500	150.18%		150.18%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	4,372,713	4,122,713	250,000	100,900	0	100,900	2.31%	0.00%	40.36%
-	Sự nghiệp giao thông	4,132,713	4,122,713	10,000	28,700		28,700	0.69%	0.00%	287.00%
-	SN nông nghiệp, thủy lợi	20,000		20,000	22,200		22,200	111.00%		111.00%
-	Kiến thiết thị chính	0			0					
-	SN môi trường	20,000		20,000	50,000		50,000	250.00%		250.00%
-	SN kinh tế khác	200,000		200,000	0					
8	Chi đảm bảo xã hội	205,824	0	205,824	150,620		150,620	73.18%		73.18%
-	Hưu xã và trợ cấp khác	114,120		114,120	116,620		116,620	102.19%		102.19%
-	Chi hỗ trợ cứu tế XH	0			0			#DIV/0!		#DIV/0!
-	Khác	91,704		91,704	34,000		34,000	37.08%		37.08%
9	Chi QL NN, Đảng, ĐT	8,134,670	4,590,048	3,544,622	5,041,167	1,983,239	3,057,928	61.97%		86.27%
-	Quản lý nhà nước	6,734,783	4,590,048	2,144,735	3,784,931	1,983,239	1,801,692	56.20%		84.01%
-	Đảng	569,337		569,337	482,746		482,746	84.79%		84.79%
-	Mặt trận tổ quốc	243,837		243,837	250,437		250,437	102.71%		102.71%
-	Đoàn Thanh niên	169,867		169,867	137,867		137,867	81.16%		81.16%
-	Hội phụ nữ	135,156		135,156	126,156		126,156	93.34%		93.34%
-	Hội Cựu chiến binh	115,534		115,534	79,874		79,874	69.13%		69.13%
-	Hội nông dân	133,156		133,156	146,156		146,156	109.76%		109.76%
-	Hội chữ thập đỏ	10,000		10,000	10,000		10,000	100.00%		100.00%
-	Hội người cao tuổi	8,000		8,000	8,000		8,000	100.00%		100.00%
-	Hội Khuyến học	10,000		10,000	10,000		10,000	100.00%		100.00%
-	Hội Người mù	0			0					
-	Hội Nạn nhân chất độc DC	0			0					
-	Hội Cựu thanh niên XP	5,000		5,000	5,000		5,000	100.00%		100.00%
10	Chi khác (chuyển nguồn)	850,000		850,000	0					
11	Dự phòng	0			63,200		63,200			

UBND XÃ: Đức Xương

Biểu số: 106/CK-TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Kèm theo BC số 363/BC-UBND ngày 12/12/2022 của UBND xã Đức Xương Kèm

ĐVT: 1.000 Đồng

[illegible]

nội dung	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (Năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	0	0	0	0	0	0
-			0			0
-			0			0
-			0			0
-			0			0
-			0			0
2. Các hoạt động sự nghiệp	0	0	0	0	0	0
- Chợ			0			0
- Bến bãi			0			0
-			0			0
-			0			0
-			0			0
-			0			0
-			0			0